

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/DS-ST
Ngày 26-3-2025
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Văn Công Trọn**
2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Chí Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 748/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà **Trần Mỹ C**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Ông **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn:

Bà **Nguyễn Quyền T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Ông **Võ Minh T1**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Hứa Hồng T2**, sinh năm 1968 (Đề nghị xét xử vắng mặt), địa chỉ cư trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Nguyên đơn bà Trần Mỹ C và ông Nguyễn Văn C1 trình bày:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/8/2024, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T và ông T1 trả các khoản như sau:

- Tiền hui số tiền 6.000.000 đồng đối với dây hui mở ngày 10/3/2019 âm lịch.
- Tiền vay số tiền 91.500.000 đồng.
- Tiền mua hui số tiền 97.400.000 đồng.

Tổng cộng là 165.400.000 đồng.

Nay, nguyên đơn xác định lại nội dung khởi kiện như sau: Ngày 30/7/2021 âm lịch, nguyên đơn có mua lại hui của bà T và ông T1 do bà T2 làm chủ ở dây hui mở ngày 15/7/2021 âm lịch, loại hui 5.000.000 đồng, có 35 chưng, khui 1 lần/tháng, số tiền 97.130.000 đồng (có làm biên nhận). Tuy nhiên, đến nay phía chủ hui là bà T2 không đồng ý việc mua bán hui này, nhưng tiền mua hui thì đến nay bà T và ông T1 chưa trả lại.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T và ông T1 trả lại cho nguyên đơn số tiền 97.130.000 đồng, buộc bà T và ông T1 trả lãi từ ngày bán hui ngày 30/7/2021 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất của nhà nước quy định.

***/ Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Hồng T2 trình bày:**

Lời trình bày của bà C và ông C1 là đúng. Việc mua bán hui giữa bà C và ông C1 với bà T và ông T1 thì tôi (Tơ) không biết. Tuy nhiên, ở dây hui này đến nay phía bà T và ông T1 vẫn đóng tiền hui cho tôi (Tơ). Nay, tôi (Tơ) xác định không có liên quan gì đến vụ án, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tôi (Tơ) theo quy định.

***/ Đối với bị đơn bà Nguyễn Quyền T và ông Võ Minh T1:** Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng, đối với Bị đơn đã

thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C1 và bà C, buộc ông T1 và bà T trả cho Nguyên đơn số tiền 97.130.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước; Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với Bị đơn bà Nguyễn Quyền T và ông Võ Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Hồng T2 có ý kiến là đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà C và ông C1 cho rằng, ngày 30/7/2021 âm lịch bà C và ông C1 có mua hụi của bà T và ông T1 do bà T2 làm chủ. Tuy nhiên, việc mua bán hụi này không được bà T2 đồng ý, dẫn đến Nguyên đơn không tham gia được hụi của bà T2, nhưng số tiền mua hụi của Nguyên đơn thì đến nay Bị đơn chưa trả, nên Nguyên đơn khởi kiện đòi lại. Do đó, có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật ở vụ án này là “Tranh chấp đòi lại tài sản”, bị đơn ông T1 và bà T có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn, thấy rằng:

Bà C và ông C1 xác định, có mua hụi của bà T và ông T1 vào ngày 30/7/2021 âm lịch với số tiền 97.130.000 đồng. Vì bà T và ông T1 là hụi viên do bà T2 làm chủ ở đây hụi mở ngày 15/7/2021 âm lịch. Việc mua bán hụi thì bà T2 không biết, bà T2 không đồng ý việc mua bán này, cho nên bà C và ông C1 khởi kiện yêu cầu bà T và ông T1 trả lại số tiền 97.130.000 đồng.

Đối với bà T2 xác định, việc trình bày của bà C và ông C1 là đúng, đến nay bà T và ông T1 vẫn là hụi viên ở đây hụi ngày 15/7/2021 âm lịch, bà T và ông T1 vẫn thực hiện nghĩa vụ của hụi viên.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà C và ông C1 có cung cấp cho Tòa án

tờ Biên nhận ngày 30/7/2021 âm lịch – bút lục 01 (nội dung của tờ biên nhận này thể hiện bà C có giao cho bà T số tiền 97.130.000 đồng tiền bán hụi, có chữ ký và chữ viết của Người giao tiền Trần Mỹ C, của N nhận tiền Nguyễn Quyền T).

Quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bà T và ông T1 đều không nhận trực tiếp, nhưng do ông Võ Văn D nhận thay.

Tại văn bản Xác nhận thông tin về cư trú ngày 02/01/2025 của Công an xã K, huyện T (bút lục D, 46), thể hiện:

Ông Võ Văn D (là chủ hộ), còn Võ Minh T1 sinh ngày 01/01/1983 (quan hệ với chủ hộ là con), bà Nguyễn Quyền T sinh ngày 01/01/1990 (quan hệ với chủ hộ là dâu), đều có nơi thường trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Như vậy, ông D đã nhận thay các văn bản tố tụng cho bà T và ông T1, ông D sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho bà T và ông T1 biết.

Điều đó chứng tỏ rằng, bà T và ông T1 đã biết được việc bà C và ông C1 khởi kiện để yêu cầu bà T và ông T1 trả lại tiền mua hụi là 97.130.000 đồng, nhưng thực tế bà T và ông T1 cố tình vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Có nghĩa rằng, bà T và ông T1 đã từ bỏ quyền phản đối theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”.

Như vậy, cho thấy bà T và ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả nợ cho bà C và ông C1 số tiền 97.130.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định bà T và ông T1 có nợ Nguyên đơn số tiền 97.130.000 đồng.

Nay bà C và ông C1 khởi kiện để yêu cầu bà T và ông T1 trả lại số tiền 97.130.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 97.130.000 đồng từ ngày bán hụi (ngày 30/7/2021 âm lịch nhằm ngày 06/9/2021 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/3/2025 theo mức lãi suất do nhà nước quy định, thấy rằng:

Việc bà T và ông T1 có bán hụi cho bà C và ông C1 vào ngày 30/7/2021 âm lịch với số tiền 97.130.000 đồng là thực tế. Nhưng giao dịch này đã không hoàn thành, do bà T2 là chủ ở đây hụi này không đồng ý, nhưng đến nay bà T và ông T1 không trả lại tiền cho Nguyên đơn, cho nên Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 là có cơ sở.

Như vậy, số tiền lãi được tính như sau: $97.130.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 42 \text{ tháng} \times 20 \text{ ngày}$ (ngày 30/7/2021 âm lịch nhằm ngày 06/9/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/3/2025) = 34.936.000 đồng (làm tròn).

Tổng số tiền mà bà T và ông T1 phải trả cho bà C và ông C1 là 132.066.000 đồng.

[3] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về án phí được xử lý như sau:

Đối với Nguyên đơn thì được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Buộc bà T và ông T1 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 6.603.000 đồng – làm tròn (số tiền buộc bà T và ông T1 trả cho bà C và ông C1 số tiền 132.066.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Các điều 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Mỹ C và ông Nguyễn Văn C1, buộc bị đơn ông Võ Minh T1 và bà Nguyễn Quyền T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Mỹ C và ông Nguyễn Văn C1 số tiền 132.066.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Mỹ C và ông Nguyễn Văn C1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Minh T1 và bà Nguyễn Quyền T không thi hành xong khoản tiền trên, thì ông Võ Minh T1 và bà Nguyễn Quyền T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

Buộc ông Võ Minh T1 và bà Nguyễn Quyền T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 6.603.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm lẻ ba ngàn đồng).

Bà Trần Mỹ C và ông Nguyễn Văn C1 được nhận lại tiền án phí số tiền 4.135.000 đồng (Bốn triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tại Biên lai thu 0005471 ngày 09/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3/ Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Mỹ C và ông Nguyễn Văn C1 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với ông Võ Minh T1 và bà Nguyễn Quyền T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang